TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H; nơi cư trú: Xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đồng Văn D;

Địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đồng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại gia đình anh Dũng ở xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh

phúc vui vẻ đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, quan điểm sống hai vợ chồng trái ngược nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng chị căng thẳng nhất từ năm 2016 đến nay. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Dũng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Văn D.

Về con chung: Chị và anh Đồng Văn D có 01 con chung là Đồng Lê Ngọc K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Đồng Văn D không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 6 năm 2019 bị đơn anh Đồng Văn D trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị H từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại gia đình nhà anh. Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình tham gia hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng căng thẳng nhất là vào năm 2016. Từ đó chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị Lê Thị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị H có 01 con chung là Đồng Lê Ngọc K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013. Ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn, anh đồng ý. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Huê.

Về tài sản chung: Anh và chị Lê Thị H không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 28, 147, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 58, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đồng Văn D; Về con chung: Giao con chung Đồng Lê Ngọc K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh D cho chị H. Khi nào chị Hcó yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Đồng Văn D:

- Đối với nguyên đơn chị Lê Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 24 tháng 7 năm 2019 chị Lê Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị H.

- Đối với bị đơn anh Đồng Văn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đồng Văn D có quan điểm xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đồng Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Lê Thị H và anh Đồng Văn D tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng hai bên không khắc phục được. Mâu thuẫn của anh chị căng thẳng nhất vào năm 2016. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị Lê Thị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo anh Đồng Văn D đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa chị H và anh D. Tuy nhiên anh

D xin vắng mặt tại phiên hòa giải, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị Huê vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh D và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đồng Văn D.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Lê Thị H và anh Đồng Văn D đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh D là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đồng Văn D.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Đồng Văn D có 01 con chung là Đồng Lê Ngọc K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án H và anh D có quan điểm từ khi ly thân con chung đều do chị Huê nuôi dưỡng nên tiếp tục giao con chung Đồng Lê Ngọc K cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Xét thấy quan điểm của hai bên đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luạt nên chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Đồng Lê Ngọc K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đồng Văn D cho chị Lê Thị H. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Đồng Văn D đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, 70, 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

***Tuyên xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đồng Văn D.

2. Về con chung: Xử giao con chung Đồng Lê Ngọc K, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đồng Văn D cho chị Lê Thị H. Khi nào chị H có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện A (Biên lai thu tiền số 0004272 ngày 03 tháng 6 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã L (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi